

Bản án số: 05/2025/HS-PT.
Ngày: 03/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2024 và 03/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2024/TLPT-HS ngày 25/10/2024 đối với các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L do có kháng cáo của các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Quách Thị Ngọc T; Sinh ngày: 17/02/1980; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số Ô, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Thái M và bà Trương Mỹ H; Có chồng là Nguyễn Hoàng Sơn L, sinh ngày 01/01/1982 và có 02 người con, người con lớn sinh năm 2007, người con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2024 đến ngày 21/3/2024 thay đổi, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 cho đến nay. (vắng mặt)

2. Nguyễn Hoàng Sơn L; Sinh ngày: 01/01/1982; Nơi sinh: Tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số Ô, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn L1 và bà Lý Ngọc L2; Có vợ là Quách Thị Ngọc T, sinh ngày 17/02/1980 và có 02 người con, người con lớn sinh năm 2007, người con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án:

Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 18/3/2024, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L và Quách Thị Ngọc T:* Ông Ngô Văn Đ - luật sư của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3; Địa chỉ trụ sở Công ty: Số C, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Quách Thái H1; Sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Điều tra viên phụ trách vụ án:* Ông Nguyễn Thanh H2; Nơi công tác: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 18/3/2024, bị cáo T liên hệ với một người đàn ông ở tỉnh Long An (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) mua 2.500 bao thuốc lá điều nhập lậu với số tiền là 40.175.000 đồng và hẹn với người này để sẵn thuốc lá trên vỉa hè đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - T thuộc tỉnh Long An. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 18/3/2024, L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 chở T đi từ nhà đến địa điểm trên để vận chuyển thuốc lá về nhà. Khi đến địa điểm nhận thuốc lá, các bị cáo L và T cùng nhau chuyển toàn bộ thuốc lá điều nhập lậu lên xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 và L điều khiển xe ô tô chở thuốc lá về nhà cất giấu. Đến khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày, khi bị cáo L và T đang chuyển thuốc lá từ xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 vào nhà số O, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trên xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00, bên trong sân nhà và trong phòng khách nhà số O có 06 thùng giấy, bên trong các thùng giấy có chứa 2.250 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 1.000 bao nhãn hiệu Hero, 1.000 bao nhãn hiệu Jet và 250 bao nhãn hiệu Scott). Tiếp tục kiểm tra khu vực bên trong nhà của các bị cáo L và T, lực lượng Công an phát hiện thêm 04 thùng giấy chứa 1.400 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 500 bao nhãn hiệu Hero, 370 bao nhãn hiệu Jet và 530 bao nhãn hiệu Scott). Đây là thuốc lá mà L và T mua vào ngày 12/3/2024 của người đàn ông ở tỉnh Long An về cất giấu để bán lại, nhưng chưa bán hết. Các bị cáo T và L xác định toàn bộ 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (gồm 1.550 bao nhãn hiệu Hero; 1.370 bao nhãn hiệu Jet; 780 bao nhãn hiệu Scott) bị Công an thu giữ là do bị cáo L và bị cáo T mua về để bán kiếm lời, không có hóa đơn, chứng từ. Quá trình điều tra, các bị cáo L và T thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của bản thân.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ một xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, màu đen, biển kiểm soát 83A-152.00, đã qua sử dụng; một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83005962, biển kiểm soát 83A-152.00; 3.650 bao thuốc lá

điều nhập lậu (trong đó có 1.370 bao nhãn hiệu JET, 1.500 bao nhãn hiệu HERO và 780 bao nhãn hiệu SCOTT); 10 thùng giấy màu xám, đã qua sử dụng; một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, bên trong có sim số 0943.843.833, đã qua sử dụng; một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, bên trong có sim số 0917.143.318 và ba thẻ nhớ nhãn hiệu Sandisk Ultra dung lượng 128GB, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị cáo Quách Thị Ngọc T ba thẻ nhớ nêu trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Thị Ngọc T.

- Căn cứ vào: Điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17; điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L.

- Tuyên bố: Bị cáo Quách Thị Ngọc T và bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Xử phạt bị cáo Quách Thị Ngọc T 06 (sáu) năm tù. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2024 đến ngày 21/3/2024. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2024.

- Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Quách Thị Ngọc T và bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 29/9/2024, bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Ngày 30/9/2024, bị cáo Quách Thị Ngọc T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Quách Thị Ngọc T vắng mặt.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về tội danh đối với bị cáo vì bị cáo vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu về, Cơ quan điều tra không làm rõ được người bán, người mua và bị cáo chỉ thực hiện việc điều khiển xe đi vận chuyển theo ý kiến của bị cáo T.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Đối với việc bị cáo Quách Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa

phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) tiếp tục xét xử vụ án. Xét trong quá trình điều tra, các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, các lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định các bị cáo T và L có hành vi buôn bán hàng cấm, cụ thể là mua đi bán lại thuốc lá điều nhập lậu để kiếm lợi nhuận với số lượng bị bắt quả tang là 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan, sai cho các bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng đối với bị cáo L các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 06 năm tù và xử phạt bị cáo L mức án 05 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa không rõ việc bị cáo T vắng mặt có lý do như thế nào nhưng có tiếp nhận được bản scan từ người nhà của bị cáo T có nội dung là bị cáo T đang nằm viện điều trị bệnh, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, hoãn phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn diện vụ án, cụ thể cần làm rõ các vấn đề sau đây: Cơ quan điều tra không giám định, định giá đối với vật chứng là 3.650 bao thuốc lá đã thu giữ của các bị cáo để xác định có phải thuốc nhập lậu, cũng như chưa làm việc được với người bán cho các bị cáo và người mua thuốc lá của các bị cáo mà chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo là chưa đủ căn cứ buộc tội các bị cáo; xem xét lại trình độ học vấn của bị cáo T; các bị cáo xác định không có đối chất nhưng lại có biên bản đối chất; tội danh mà cấp sơ thẩm xử lý đối với các bị cáo là chưa đúng, chưa làm việc được với người bán, người mua thuốc lá của các bị cáo và số tiền mua bán, đối với bị cáo L thì không biết rõ việc bị cáo T liên lạc mua thuốc lá như thế nào, thanh toán tiền như thế nào và bị cáo L cũng không biết người mua; cần đưa vật chứng là thuốc lá đã thu giữ của các bị cáo để xem xét tại phiên tòa. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xin giảm hình phạt và xin Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo, bị cáo không phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng và Điều tra viên phụ trách vụ án tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/12/2024, người bào chữa cho các bị cáo vắng mặt, có đơn đề nghị hoãn phiên tòa và các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L có mặt tại phiên tòa, đề nghị hoãn phiên tòa để tạo điều kiện cho người bào chữa cho các bị cáo dự phiên tòa thực hiện quyền bào chữa cho các bị cáo; Điều tra viên Nguyễn Thanh H2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bận công tác khác (có xác nhận của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S). Tại phiên tòa phúc thẩm khai mạc ngày 30/12/2024, Điều tra viên Nguyễn Thanh H2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bận công tác khác (có xác nhận của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S); bị cáo Quách Thị Ngọc T vắng mặt và người bào chữa của bị cáo T xác định không rõ lý do bị cáo T vắng mặt nhưng có tiếp nhận bản scan do người thân của bị cáo T giao thì thể hiện bị cáo T đang nhập viện điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần thành phố C vào ngày 27/12/2024. Đồng thời, ngày 02/01/2025, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp nhận Đơn khiếu nại do người bào chữa của bị cáo T là luật sư Ngô Văn Đ lập ngày 31/12/2024, đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ phiên tòa để triệu tập các bị cáo tham gia phiên tòa. Xét bị cáo T đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (số O, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) nhưng khi bị cáo T đi khỏi nơi cư trú khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/12/2024 thì bản thân bị cáo T và người thân của bị cáo T không có phản ánh hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho cơ quan tiến hành tố tụng về lịch sử bệnh lý hoặc dấu hiệu bệnh lý về tâm thần của bị cáo T nhưng đến ngày xét xử phúc thẩm lần 2 thì bị cáo T lại nhập viện điều trị tại Bệnh viện tâm thần thành phố C mà không nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh S (có chuyên khoa điều trị về tâm thần), cách nơi cư trú của bị cáo T chưa đến 02 km để được khám, điều trị kịp thời. Xét bị cáo T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo T đã trình bày lời khai về vụ án thông qua bản tự khai, biên bản ghi biên bản lời khai, biên bản hỏi cung bị can do Cơ quan điều tra lập nên việc vắng mặt của bị cáo T và Điều tra viên Nguyễn Thanh H2 không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa phúc thẩm của người bào chữa cho các bị cáo T và L, Hội

đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án nhưng không ra bản án, quyết định không có lợi cho bị cáo T.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L lập, có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thành phố S ngày 29/9/2024; Đơn kháng cáo của bị cáo Quách Thị Ngọc T lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 30/9/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tại phiên tòa phúc thẩm, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về tội danh đối với bị cáo vì bị cáo vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu. Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L, xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, tại Đơn kháng cáo lập ngày 30/9/2024 (bị cáo T), tại phiên tòa phúc thẩm (bị cáo L), các bị cáo T và L cho rằng trong quá trình điều tra, các lời khai của các bị cáo là do Điều tra viên hướng dẫn khai báo nhưng các bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, cũng như bị cáo T được tại ngoại trong suốt quá trình điều tra, truy tố nhưng cũng không có khiếu nại gì về nội dung này. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L khai nhận tất cả lời khai của bị cáo L trong quá trình điều tra là tự nguyện bị cáo khai báo, bản tự khai của bị cáo là do tự bị cáo viết, bị cáo có được tự đọc hoặc nghe đọc lại biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can và ký tên, ghi tên xác nhận vào biên bản, bị cáo L chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bị cáo L chỉ vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu theo ý kiến của bị cáo T. Đồng thời, bản tự khai của bị cáo T là do bị cáo tự viết, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can đối với bị cáo T trong quá trình điều tra thì bị cáo T tự nguyện ký tên, không bị ép buộc tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can thì bị cáo T đều ghi nhận đã tự đọc lại biên bản nội dung đúng như bị cáo trình bày và ký, ghi rõ họ tên. Ngoài ra, theo Đơn kháng cáo của bị cáo T và tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho các bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra không tiến hành giám định, định giá vật chứng của vụ án là 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét hành vi vi phạm của các bị cáo liên quan việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu nên không thuộc trường hợp bắt buộc phải giám định, định giá theo quy định tại Điều 206 và Điều 215 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và khoản 5 Điều 3, Điều 8 của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Như vậy, về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo L và T, về việc đưa vật chứng của vụ án là 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu ra xem xét tại phiên tòa là không cần thiết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Bởi vì, vào ngày 18/3/2024 khi bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét, lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, ghi nhận thu giữ các đồ vật của các bị cáo T và L, trong đó có 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu (1.550 bao nhãn hiệu Hero; 1.370 bao nhãn hiệu Jet; 780 bao nhãn hiệu Scott), tiến hành kiểm tra, kiểm đếm, niêm phong vật chứng có sự chứng kiến của các bị cáo T và L, ký tên xác nhận vào biên bản và niêm phong. Xét tại Lý lịch bị can do Cơ quan điều tra lập ngày 21/3/2024 có xác nhận của Công an P, thành phố S, xác định trình độ học vấn của bị cáo T là 07/12, người bào chữa cho các bị cáo và bị cáo T đề nghị xác định lại trình độ học vấn của bị cáo T nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L như sau:

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T khai nhận vào ngày 18/3/2024 bị cáo và bị cáo L nhận chở thuê cho người khác (bị cáo quen qua mạng không rõ họ tên, địa chỉ và không nhớ rõ thông tin) với số tiền 2.000.000 đồng, lấy hàng tại đường C - T thuộc tỉnh Long An và vận chuyển về nhà, khi về đến nhà thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra thì bị cáo mới biết đó là thuốc lá với số lượng 2.250 bao và còn thu giữ trong nhà của bị cáo 04 thùng giấy chứa 1.400 bao thuốc lá cũng do bị cáo T và bị cáo L nhận chở thuê của người khác cũng không biết bên trong là hàng hóa gì. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L cho rằng chỉ chịu trách nhiệm điều khiển xe vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, còn việc liên hệ nhận hàng là do bị cáo T thực hiện, bị cáo L chỉ làm theo yêu cầu của bị cáo T. Xét lời khai này của các bị cáo là có mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo T và L từ khi bị bắt quả tang, trong suốt quá trình điều tra vụ án và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, theo Tờ tự khai lập ngày 19/3/2024 (bút lục số 76), các Biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2024, 19/3/2024 (bút lục số 77-83), Biên bản đối chất ngày 19/3/2024 (bút lục số 85-86), các Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/3/2024 (bút lục số 87-89), ngày 04/7/2024 (bút lục số 91-93), bị cáo L đều khai nhận như sau: Sau khi bị cáo L và bị cáo T trao đổi thống nhất mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lại kiếm lời, ngày 18/3/2024, bị cáo T liên hệ bằng hình thức nhắn tin với người bán để mua 2.250 bao thuốc lá điều nhập lậu. Đến vào lúc 14 giờ ngày 18/3/2024, bị cáo L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 chở bị cáo T đi đến tỉnh Long An để mua thuốc lá điều nhập lậu. Khi đi đến dưới cầu vượt cao tốc T-Thành phố Hồ Chí Minh thì có người đề sẵn 06 thùng giấy bên trong chứa thuốc lá điều nhập lậu, khi chất thuốc lá lên xe ô tô xong thì có người thanh niên đi xe máy đến nhận tiền từ bị cáo T. Bị cáo T là người liên hệ mua thuốc lá điều nhập lậu. Sau đó bị cáo L điều khiển phương tiện về nhà ở số O, đường số H, Khu đô

thị E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khi bị cáo L đang chuyển các thùng giấy (bên trong chứa thuốc lá điều nhập lậu) cùng với bị cáo T vào nhà thì bị lực lượng Công an phát hiện quả tang bên trong là thuốc lá nhập lậu. Trong 06 thùng nêu trên chứa 2.250 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại. Khi lực lượng Công an kiểm tra bên trong nhà thì phát hiện thêm 1.400 bao thuốc lá các loại là do ngày 12/3/2024, bị cáo L cùng bị cáo T cùng bàn bạc thống nhất đi mua ở Long An về Sóc Trăng bán lại kiếm lời, lúc mua về cất giấu trong nhà được khoảng 03 ngày đã bán được cho khách vắng lai 400 bao, còn lại 1.400 bao thì bị Công an thu giữ. Bị cáo L chứng kiến toàn bộ quá trình Công an kiểm tra, thu giữ. Bị cáo L xác định toàn bộ 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (gồm 1.550 bao nhãn hiệu Hero; 1.370 bao nhãn hiệu Jet; 780 bao nhãn hiệu Scott) bị Công an thu giữ là do bị cáo L và bị cáo T mua để bán kiếm lời, không có hóa đơn, chứng từ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xác định tất cả lời khai của bị cáo L trong quá trình điều tra là tự nguyện bị cáo khai báo, bản tự khai của bị cáo là do tự bị cáo viết, bị cáo có được đọc hoặc nghe đọc lại biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất và ký tên, ghi tên xác nhận vào biên bản. Xét lời khai nhận của bị cáo L trong quá trình điều tra là phù hợp với lời khai của bị cáo T tại Tờ tự khai ngày 18/3/2024 (bút lục số 95), các Biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2024, 19/3/2024 (bút lục 96-102), Biên bản đối chất ngày 19/3/2024 (bút lục số 85-86), các Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/3/2024, 02/6/2024, 20/6/2024, 04/7/2024 (bút lục số 103-113); phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/3/2024 (bút lục số 01-03); quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[7] Do đó, có đầy đủ căn cứ để xác định: Bị cáo T và bị cáo L là vợ chồng, sinh sống tại nhà số O, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo L có nghề nghiệp chính là giáo viên, còn bị cáo T buôn bán tạp hóa tại nhà. Bị cáo T chủ động trao đổi và bị cáo L thống nhất cùng thực hiện hành vi mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lại để kiếm tiền lời. Vào sáng ngày 18/3/2024, bị cáo T liên hệ với một người đàn ông ở tỉnh Long An (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) mua 2.500 bao thuốc lá điều nhập lậu với số tiền là 40.175.000 đồng và hẹn với người này để sẵn thuốc lá trên vỉa hè đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - T thuộc tỉnh Long An. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày 18/3/2024, L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 chở T đi từ nhà đến địa điểm trên để vận chuyển thuốc lá về nhà. Khi đến địa điểm nhận thuốc lá, các bị cáo L và T cùng nhau chuyển toàn bộ thuốc lá điều nhập lậu lên xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 và L điều khiển xe ô tô chở thuốc lá về nhà cất giấu. Đến khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày 18/3/2024, khi bị cáo L và T đang chuyển thuốc lá từ xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00 vào nhà số O, đường số H, Khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Qua kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện trên xe ô tô biển kiểm soát 83A-152.00, bên trong sân nhà và trong phòng khách nhà số O có 06 thùng giấy, bên trong các thùng giấy có chứa 2.250 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 1.000 bao nhãn hiệu Hero,

1.000 bao nhãn hiệu Jet và 250 bao nhãn hiệu Scott). Khi kiểm tra trong nhà của các bị cáo L và T, lực lượng Công an phát hiện thêm 04 thùng giấy chứa 1.400 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 500 bao nhãn hiệu Hero, 370 bao nhãn hiệu Jet và 530 bao nhãn hiệu Scott), đây là thuốc lá điều nhập lậu mà L và T mua của người đàn ông ở tỉnh Long An vào ngày 12/3/2024 về cất giấu để bán lại, nhưng chưa bán hết. Vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo T và L là 3.650 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (gồm 1.550 bao nhãn hiệu Hero; 1.370 bao nhãn hiệu Jet; 780 bao nhãn hiệu Scott).

[8] Xét thuốc lá điều nhập lậu là hàng cấm theo quy định của pháp luật tại khoản 5 Điều 3, Điều 8 của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

[9] Các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T và L đã bàn bạc, thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu các loại với số lượng là 3.650 bao (gồm 1.550 bao nhãn hiệu Hero; 1.370 bao nhãn hiệu Jet; 780 bao nhãn hiệu Scott). Trong vụ án này, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai cho các bị cáo. Cho nên việc các bị cáo T và L cho rằng không phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và người bào chữa cho các bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[10] Xét vai trò đồng phạm trong vụ án của từng bị cáo như sau: Các bị cáo T và L đều là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm và riêng bị cáo T cũng là người khởi xướng. Do vậy, hình phạt được áp dụng đối với bị cáo T phải nghiêm khắc hơn đối với bị cáo L.

[11] Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo L và bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L trước khi phạm tội là giáo viên, trong quá trình công tác nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giáo viên giỏi. Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đối với bị cáo L, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T mức án 06 năm tù và xử phạt bị cáo L

mức án 05 năm tù, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung, buộc mỗi bị cáo nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước là tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ các bị cáo được hưởng mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo L.

[12] Về xử lý vật chứng: Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm tịch thu, tiêu hủy đối với vật chứng là hàng cấm gồm 3.650 bao thuốc là điều nhập lậu (trong đó, có 1.370 bao nhãn hiệu JET, 1.500 bao nhãn hiệu HERO và 780 bao nhãn hiệu SCOTT) và 10 thùng giấy màu xám, đã qua sử dụng; tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với vật chứng là phương tiện phạm tội là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, màu đen, biển kiểm soát 83A-152.00, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83005962, biển kiểm soát 83A-152.00 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, bên trong có sim số 0917.143.318; trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo là 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, bên trong có sim số 0943.843.833, đã qua sử dụng không có liên quan vụ án, là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo T và L, về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và L. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo T và L, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào:

- Điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Thị Ngọc T.

- Điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17; điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L.

3. Tuyên bố: Các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

4. Xử phạt:

- Xử phạt bị cáo Quách Thị Ngọc T 06 (sáu) năm tù, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/3/2024 đến ngày 21/3/2024. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/3/2024.

- Hình phạt bổ sung: Buộc các bị cáo Quách Thị Ngọc T và Nguyễn Hoàng Sơn L, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng gồm: 3.650 (ba ngàn sáu trăm năm mươi) bao thuốc là điều nhập lậu (trong đó, có 1.370 bao nhãn hiệu JET, 1.500 bao nhãn hiệu HERO và 780 bao nhãn hiệu SCOTT); 10 (mười) thùng giấy màu xám, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, màu đen, biển kiểm soát 83A-152.00, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83005962, biển kiểm soát 83A-152.00; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, bên trong có sim số 0917.143.318.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, bên trong có sim số 0943.843.833, đã qua sử dụng.

(theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)

6. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Quách Thị Ngọc T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND TP. Sóc Trăng (02);
- VKSND TP. Sóc Trăng (01);
- CQĐT-Công an TP. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng (01);
- Bị cáo (02);
- Người bào chữa cho các bị cáo (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ